

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: 06/2022//HS-ST
Ngày 18/01/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thúy Hà

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 156/2021/TLST-HS, ngày 20/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS, ngày 06/01/2022; đối với các bị cáo:

1. Lã Tùng D, sinh ngày 20/6/2004; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Không xác định được họ, tên, tuổi và địa chỉ của cha; Họ và tên mẹ: Lã Hồng D, sinh năm 1978, hiện đang sinh sống tại nước ngoài, không xác định được địa chỉ nơi cư trú, bị cáo là con duy nhất; Vợ con: không có.

* Tiền án, tiền sự: không

* Nhân thân:

- Tại Bản án số 58/2021/HSST ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (hành vi trộm cắp thực hiện vào ngày 07/10/2020, trị giá tài sản trộm cắp 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*), chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2021, thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 tháng 17 ngày nên bản án này không coi là tiền án).

- Ngày 28/3/2019, Công an phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính (quyết định số 10) về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, hành vi trộm cắp tài sản ngày 11/3/2019.

- Ngày 08/4/2019, Công an phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt cảnh cáo (Quyết định số 32), vì hành vi “*Trộm cắp tài sản*” ngày 16/3/2019.

- Ngày 07/6/2019, Công an phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường (quyết định số 65), thời hạn 03 tháng kể từ ngày 07/6/2019, chấp hành xong ngày 07/9/2019. Bị cáo bị bắt

tạm giam ngày 06/10/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. **Vũ Đức M**, sinh ngày 01/7/2005; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Không xác định được họ và tên cha; Họ và tên mẹ: Vũ Thị L, sinh năm 1974, hiện đang sinh sống tại nước ngoài, không xác định được nơi cư trú.

- Tiền án, tiền sự: Không:

* Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Bị hại:*

Chị **Đặng Thị Minh L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 02, đường Bình Thuận, tổ dân phố 9, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Người tham gia tố tụng khác:*

- Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Là Người đại diện của bị cáo Lã Tùng D. Có mặt

- Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1936

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Là người đại diện của bị cáo Vũ Đức M. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Kim T** – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang;

Địa chỉ: Số 06, đường Chiến Thắng Sông Lô, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Là người bào chữa cho các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 01/10/2021, Lã Tùng D, sinh ngày 20/6/2004, trú tại tổ dân phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Vũ Đức M, sinh ngày 10/7/2005, trú tại tổ dân phố 01, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Đoàn Cẩm Đ, sinh năm 2003 trú tại dân phố 3, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Bùi

Ngọc K, sinh năm 2006; trú tại xóm 1, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang chơi điện tử tại quán Internet thuộc tổ dân phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì hết tiền chơi điện tử nên D rủ M, Đ, K đi trộm cắp tài sản để lấy tiền chơi tiếp. M, Đ và K không đồng ý. Vì không có tiền chơi điện tử nữa nên 4 người đi bộ lang thang theo hướng đường Quang Trung đến khu vực trung tâm thương mại Vincom thì rẽ vào đường Lê Lợi. Trên đường đi, D nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản tại quán bán hàng nước thuộc tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang của bà Đặng Thị Minh L, trú tại số nhà 02, đường Bình Thuận, tổ dân phố 9, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Do thường ngày D hay uống nước ở quán bà L nên D biết quán mở đến sáng và không đóng cửa, D nói với M “*Bây giờ đi ra quán nước ở gần đường cao tốc ăn trộm*”, M đồng ý và nói “*ừ*” nhưng D và M không nói gì với Đ và K nên Đ và K vẫn đi theo D và M.

Khoảng 01 giờ ngày 02/10/2021, D, M, Đ và K đi bộ đến gần quán nước của bà L, D gọi M ra nói với M “*Bây giờ tao vào trong quán nước xem có gì lấy, còn mày đứng ngoài xem có ai thì báo tao*”, M nói “*Ừ, thế mày đứng đây để bọn tao sang đường đã rồi mày hãy vào*” và nhặt một chiếc khẩu trang trên đường đưa cho D đeo, rồi bảo Đ, K đi lên quán Internet ở gần đường cao tốc chờ. Đ và K đi bộ lên quán internet để chờ D, M nhưng không biết D, M bàn bạc và trộm cắp tài sản.

D đi vào trong quán nước của bà L, thấy bà L và chồng bà L là ông Lê Trung H đang nằm ngủ trên giường. D trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A93 màu đen, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu đen và 01 chiếc hộp kim loại đóng kín có hai tai móc khóa (loại hộp đựng bánh quy) có hoa văn màu đỏ, vàng nhãn hiệu Orion Goute để trên chiếc thùng xốp đặt cạnh giường rồi ra ngoài đường, thấy M, Đ K đang đứng bên kia đường (Đ, K lên quán internet nhưng quán đóng cửa nên quay lại chỗ M đứng) nên D vội gọi M, Đ, K đi theo.

Cả 04 người đi đến gần trung tâm tổ chức sự kiện Royal thấy có một chiếc ô tô tải đang đỗ nên D đứng lại, núp phía sau xe, mở chiếc hộp trộm cắp ra, thấy có 01 chiếc điện thoại NOKIA 150 có bàn phím màu đen, nhiều tờ tiền mệnh giá từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng, D đếm được 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*); 13 bao thuốc lá các loại, gồm 05 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long loại điều to; 03 bao thuốc lá loại điều nhỏ; 03 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 do Việt Nam sản xuất; 02 bao thuốc lá nhãn hiệu Vinataba loại điều to; D đưa cho M chiếc điện thoại Iphone 7, đưa cho K chiếc điện thoại Nokia 150, D cầm chiếc điện thoại OPPO A93 và số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), sau đó vút chiếc hộp tai đó rồi cả 04 người cùng đi đến nhà nghỉ Lan Mão thuộc tổ dân phố 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thuê phòng nghỉ. D dùng số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) trộm cắp được để trả tiền nhà nghỉ. Toàn bộ số

thuốc lá D, M, Đ, K mỗi người tự cầm mấy bao nhưng không xác định được cụ thể loại nào.

Tất cả 04 người ngủ đến sáng rồi cùng nhau đi taxi đến cửa hàng điện thoại của ông Hoàng Hồng T thuộc tổ dân phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. D và M đi vào cửa hàng bán điện thoại OPPO A93 cho ông Thanh được 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*), Đ và K đứng ngoài đợi. D sử dụng số tiền bán điện thoại trả tiền taxi, ăn sáng, tiền chơi điện tử của cả nhóm và đưa cho M 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) để M đi mở khóa mật khẩu điện thoại Iphone 7 mà D trộm cắp được. Sau khi hết tiền chơi điện tử Đ và K đi về, D đến nhà M chơi. Trong quá trình thuê nhà nghỉ và đi ăn, chơi điện tử cùng nhau, cả 04 người cùng nhau hút hết số thuốc lá D trộm cắp được.

Đến tối cùng ngày, M đến cửa hàng điện thoại Nguyễn Phương thuộc tổ dân phố 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thuê ông P mở mật khẩu điện thoại Iphone 7 nhưng không mở được nên M bán cho ông P chiếc điện thoại Iphone 7 với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) sau đó đi chơi điện tử hết.

Đối với chiếc điện thoại OPPO A93 ông Thanh mua của D, M và chiếc điện thoại Iphone 7 ông P mua của M, sau đó đều bán cho khách hàng nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Đối với chiếc điện thoại Nokia 150 D đưa cho K, K khai nhận để quên ở trong phòng nghỉ tại nhà nghỉ Lan Mão, quá trình điều tra không thu giữ được 03 chiếc điện thoại trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 75/KLĐG ngày 04/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 trị giá 2.900.000đ (*hai triệu chín trăm nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại OPPO A93 trị giá 4.350.000đ (*bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại NOKIA 150 trị giá 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*); 13 bao thuốc lá các loại, gồm 05 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long loại điều to trị giá 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*); 03 bao thuốc lá loại điều nhỏ trị giá 36.000đ (*ba mươi sáu nghìn đồng*); 03 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 do Việt Nam sản xuất trị giá 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*); 02 bao thuốc lá nhãn hiệu Vinataba loại điều to trị giá 40.000đ (*bốn mươi nghìn đồng*). Tổng trị giá tài sản D, M trộm cắp là 7.701.000đ (*bảy triệu bảy trăm linh một đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; Bản kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà: Bà Ngô Thị T là đại diện của bị cáo Lã Tùng D và bà Nguyễn Thị S của bị cáo Vũ Đức M trình bày, các bị cáo không có cha, mẹ bị cáo D bỏ đi khi bị cáo mới hơn một tuổi, mẹ bị cáo M bỏ đi khi bị cáo mới ba tuổi, không biết

địa chỉ chính xác là ở đâu vì không liên lạc với gia đình nên các bị cáo ở với bà ngoại, do bà ngoại nuôi dưỡng giáo dục từ khi mẹ các bị cáo bỏ đi cho đến nay. Bà Ngô Thị T và bà Nguyễn Thị S tự nguyện tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho các bị cáo và nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại trong trường hợp các bị cáo không có khả năng bồi thường. Bà Thảo và bà Sự đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSTP ngày 17/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Lã Tùng D, Vũ Đức M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lã Tùng D; Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Đức M. Tuyên bố các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo Lã Tùng D từ 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù; Xử phạt bị cáo Vũ Đức M từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 212, Điều 213, Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và người đại diện cho các bị cáo với bị hại tại phiên tòa về việc hoàn trả số tiền các bị cáo trộm cắp là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và bồi thường trị giá tài sản trộm cắp cho bà Đặng Thị Minh L số tiền 7.701.000đ (*bảy triệu bảy trăm linh một đồng*), tổng cộng là 7.901.000đ (*bảy triệu chín trăm linh một nghìn đồng*), chia nghĩa vụ đối với các bị cáo, mỗi bị cáo phải trả 3.950.500đ (*ba triệu chín trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo; xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Bị cáo có hoàn cảnh éo le khó khăn, hạn chế về nhận thức do phải nghỉ học sớm, thiếu sự quan tâm của gia đình, các bị cáo phạm tội khi ở tuổi vị thành niên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo D có ông nội được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51

BLHS; Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo M; Áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 BLHS đối với cả hai bị cáo. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xem xét cho bị cáo M được “*Cải tạo không giam giữ*”, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thoả thuận về trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo, đại diện của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Các bị cáo không kêu oan, nội dung khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, các bị cáo, người đại diện và người bào chữa của các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, kết luận định giá tài sản, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin lỗi bị hại và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 02/10/2021, tại quán bán hàng nước thuộc tổ dân phố 10, phường T, thành phố T của chị Đặng Thị Minh L, trú tại số nhà 02 đường Bình Thuận, tổ dân phố 9, phường T, thành phố T, Lã Tùng D, sinh ngày 20/6/2004, trú tại tổ dân phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và Vũ Đức M, sinh ngày 01/7/2005, trú tại tổ dân phố 01, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 7 trị giá 2.900.000đ (*hai triệu chín trăm nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại OPPO A93 trị giá 4.350.000đ (*bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại NOKIA 150 trị giá 250.000đ (*hai*

trăm năm mươi nghìn đồng); 13 bao thuốc lá các loại, gồm 05 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long loại điều to trị giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); 03 bao thuốc lá loại điều nhỏ trị giá 36.000đ (ba mươi sáu nghìn đồng); 03 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 do Việt Nam sản xuất trị giá 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng); 02 bao thuốc lá nhãn hiệu Vinataba loại điều to trị giá 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) và số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền và trị giá tài sản D, M trộm cắp là 7.901.000đ (bảy triệu chín trăm linh một đồng).

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản là bà Đặng Thị Minh L để lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền và trị giá tài sản trộm cắp là 7.901.000đ (bảy triệu chín trăm linh một đồng). Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố cáo Lã Tùng D và bị cáo Vũ Đức M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng lại chơi bời lêu lổng, không chịu lao động kiếm tiền mà lại trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác để bán lấy tiền tiêu sài. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội ở tuổi vị thành niên nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo. Bị cáo Vũ Đức M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lã Tùng D có ông ngoại là Lã Văn B có Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên áp dụng cho bị cáo Lã Tùng D tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, bị cáo Lã Tùng D có nhân thân xấu, 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và hai bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi “trộm cắp tài sản”, 01 lần bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường nhưng không rút kinh nghiệm; Tại bản án số 58/2021/HSST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B xét xử đối với bị cáo không bị coi là tiền án vì thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, tuy nhiên bị cáo mới chấp

hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2021 mà còn tiếp tục phạm tội, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo còn rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới có thể giáo dục bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, bị cáo Lã Tùng D là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu, vai trò của bị cáo D nguy hiểm hơn so với bị cáo M nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo M.

Bị cáo Vũ Đức M là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực để tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo Vũ Đức M có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó chỉ cần áp dụng một mức hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo; Số tiền và trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội khi dưới 18 tuổi nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, thu giữ được 01 chiếc hộp kim loại đóng kín có hai tai móc khóa (loại hộp đựng bánh quy) có hoa văn màu đỏ, vàng nhãn hiệu Orion Goute, xác định là của bà Đặng Thị Minh L, tuy nhiên bà Đặng Thị Minh L không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M và người đại diện của các bị cáo là bà Ngô Thị T, Nguyễn Thị S với bị hại – bà Đặng Thị Minh L tại phiên tòa: Các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) mà các bị cáo đã trộm cắp của bà L và bồi thường cho bà L số tiền theo trị giá tài sản các bị cáo khai nhận đã trộm cắp của bà L như kết quả định giá 75/KLĐG ngày 04/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T là 7.701.000đ (*bảy triệu bảy trăm linh một nghìn đồng*), tổng cộng số tiền các bị cáo phải hoàn trả và bồi thường cho bà Đặng Thị Minh L là 7.901.000đ (*bảy triệu chín trăm linh một nghìn đồng*), chia ra mỗi bị cáo hoàn trả và bồi thường cho bà L 3.950.500đ (*ba triệu chín trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*);

Người đại diện của các bị cáo được dùng tài sản của các bị cáo để trả tiền cho bà L, trường hợp tài sản của các bị cáo không đủ để bồi thường thì người đại diện của các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự thì khoản tiền các bị cáo phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị Minh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo chậm thi hành thì hàng tháng còn phải lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[8] Án phí của vụ án:

* Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

* Án phí dân sự: Các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M, mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đại diện của các bị cáo, bị hại, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Lã Tùng D**, tuyên bố bị cáo Lã Tùng D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo Lã Tùng D **08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/10/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Vũ Đức M**, tuyên bố bị cáo Vũ Đức M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo Vũ Đức M **06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 01 (*một*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/01/2022.

Giao bị cáo Vũ Đức M cho UBND phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 212, Điều 213, Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M và người đại diện của các bị cáo là bà Ngô Thị T, Nguyễn Thị S với bị hại – bà Đặng Thị Minh L tại phiên toà:

- Các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đặng Thị Minh L số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và bồi thường số tiền theo trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp của bà L là 7.701.000đ (*bảy triệu bảy trăm linh một nghìn đồng*), tổng cộng số tiền các bị cáo phải hoàn trả và bồi thường cho bà Đặng Thị Minh L là **7.901.000đ** (*bảy triệu chín trăm linh một nghìn đồng*), chia ra mỗi bị cáo hoàn trả và bồi thường cho bà Đặng Thị Minh L **3.950.500đ** (*ba triệu chín trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*);

- Người đại diện của các bị cáo được dùng tài sản của các bị cáo để hoàn trả và bồi thường cho bà Đặng Thị Minh L, trường hợp tài sản của các bị cáo không đủ để hoàn trả và bồi thường cho bà Đặng Thị Minh L thì người đại diện của các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Khoản tiền các bị cáo phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc hộp kim loại đóng kín có hai tai móc khóa (loại hộp đựng bánh quy) có hoa văn màu đỏ, vàng nhãn hiệu Orion Goute.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2021, giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lã Tùng D, Vũ Đức M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

- Các bị cáo, người đại diện và người bào chữa của các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 18/01/2022.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND phường H;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thúy Hà – Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

